

THÔNG BÁO

Nội dung, cách thức thực hiện kiểm tra, sát hạch vòng 2 đối với người dự tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương năm học 2021-2022

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Công văn số 553/UBND-VX ngày 05/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 460/SNV-CCVC ngày 12/3/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1006/SNV-CCVC ngày 14/6/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn bổ sung công tác tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2021-2022.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương thông báo nội dung, cách thức thực hiện kiểm tra, sát hạch vòng 2 đối với người dự tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương năm học 2021-2022 như sau:

I. KIỂM TRA, SÁT HẠCH VỀ KIẾN THỨC CHUNG

1. Đối tượng

Tất cả thí sinh đăng ký dự tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương năm học 2021-2022.

2. Quy định chung

a) Số lượng câu hỏi

Mỗi người dự tuyển phải trả lời 02 câu hỏi (trong bộ đề): một câu hỏi về Luật Viên chức, một câu hỏi về kiến thức chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.

b) Thời lượng kiểm tra, sát hạch

Mỗi người dự tuyển sẽ trả lời 02 câu hỏi trong thời gian tối đa là 45 phút (không quá 15 phút để chuẩn bị, không quá 30 phút để trả lời).

c) Nội dung câu hỏi

Câu hỏi có nội dung thuộc các văn bản được thông báo trong “DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO KIỂM TRA, SÁT HẠCH VÒNG 2” (kèm theo).

d) Điểm số: Tối đa 50 điểm, gồm có:

- Câu hỏi 1 về Luật Viên chức: tối đa 20 điểm.
- Câu hỏi 2 về kiến thức chuyên ngành: tối đa 25 điểm.
- Tác phong (trang phục, thái độ, giao tiếp, phát âm): tối đa 05 điểm.

Riêng đối với người dự tuyển vị trí việc làm không phải là giáo viên dạy lớp: điểm tác phong tối đa là 10 điểm; khi tổng hợp điểm để xét, thực hiện nhân đôi số điểm trả lời của 02 câu hỏi để đảm bảo tổng số điểm xét tuyển theo thang điểm 100.

3. Các bước thực hiện

- **Bước 1:** Người dự tuyển bốc thăm cùng lúc 02 câu hỏi (không được đổi câu hỏi với bất kỳ lý do nào).

- **Bước 2:** Người dự tuyển chuẩn bị nội dung trả lời cho từng câu hỏi (thời gian chuẩn bị cho 02 câu hỏi tối đa 15 phút).

- **Bước 3:** Người dự tuyển trình bày nội dung trả lời từng câu hỏi (thời gian trả lời cho 02 câu hỏi tối đa là 30 phút).

II. KIỂM TRA, SÁT HẠCH VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ

1. Đối tượng

Thí sinh đăng ký dự tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2021-2022 với vị trí việc làm là giáo viên các cấp học.

2. Đối với người dự tuyển vị trí việc làm là giáo viên môn Tiếng Anh

a) Quy định chung

Người dự tuyển được kiểm tra, sát hạch năng lực chuyên môn, nghiệp vụ ở 04 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết (người dự tuyển bốc thăm câu hỏi để trả lời đối với kiểm tra kỹ năng nói).

b) Các bước thực hiện

Người dự tuyển được kiểm tra lần lượt các kỹ năng, thứ tự các kỹ năng do Ban Kiểm tra, sát hạch quy định.

c) Điểm số: Tối đa 50 điểm, gồm có:

- Tổng điểm của 04 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết: tối đa 45 điểm.
- Tác phong (trang phục, thái độ, giao tiếp, phát âm): tối đa 05 điểm.

3. Đối với người dự tuyển vị trí việc làm là giáo viên các môn còn lại

a) Quy định chung

- Số lượng câu hỏi

Mỗi người dự tuyển phải trả lời 02 câu hỏi.

- Thời lượng kiểm tra, sát hạch

Mỗi người dự tuyển có tối đa 45 phút để thực hiện (không quá 15 phút để chuẩn bị, không quá 30 phút để trả lời).

- Nội dung câu hỏi

+ **Câu hỏi 1:** Người dự tuyển soạn 01 đề cương bài soạn (giáo án) của 01 tiết dạy thuộc chương trình giáo dục mầm non hoặc chương trình giáo dục phổ thông hiện hành phù hợp với vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.

Lưu ý: Đối với cấp học mầm non giới hạn ở chương trình dạy cho trẻ 3-4 tuổi và 4-5 tuổi; cấp học tiểu học giới hạn ở chương trình lớp 3 và lớp 4; cấp học trung học cơ sở giới hạn ở chương trình lớp 7 và lớp 8; cấp học trung học phổ thông giới hạn ở chương trình lớp 10 và lớp 11. Hội đồng tuyển dụng sẽ chuẩn bị tài liệu hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non và sách giáo khoa của học sinh các cấp học cho người dự tuyển.

+ **Câu hỏi 2:** Người dự tuyển trả lời câu hỏi của người phỏng vấn xoay quanh nội dung đề cương người dự tuyển đã trình bày.

- Điểm số: Tối đa 50 điểm, gồm có:

+ Soạn và trình bày đề cương: tối đa 20 điểm.

+ Trả lời câu hỏi thêm của người phỏng vấn: tối đa 25 điểm.

+ Tác phong (trang phục, thái độ, giao tiếp, phát âm): tối đa 05 điểm.

b) Các bước thực hiện

- **Bước 1:** Người dự tuyển bốc thăm câu hỏi trong bộ đề (không được đổi câu hỏi với bất kỳ lý do nào).

- **Bước 2:** Người dự tuyển chuẩn bị đề cương bài soạn (giáo án) của 01 tiết dạy theo yêu cầu của câu hỏi (thời lượng chuẩn bị tối đa 15 phút).

- **Bước 3:** Người dự tuyển trình bày nội dung đề cương bài soạn (tối đa 20 phút).

- **Bước 4:** Người dự tuyển trả lời 01 câu hỏi thêm của người phỏng vấn xoay quanh nội dung đề cương người dự tuyển đã trình bày (tối đa 10 phút)/.

III. THỜI GIAN TỔ CHỨC KIỂM TRA, SÁT HẠCH

1. Đối với Hội đồng tuyển dụng viên chức các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương

- Ngày 21/7/2021: kiểm tra, sát hạch phần kiến thức chung (một câu hỏi về Luật Viên chức, một câu hỏi về kiến thức chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm đăng ký dự tuyển).

- Ngày 22/7/2021: kiểm tra, sát hạch phần kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ (soạn đề cương giáo án và trả lời câu hỏi của người phỏng vấn xoay quanh nội dung đề cương người dự tuyển đã trình bày).

2. Đối với Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố

- Ngày 28/7/2021: kiểm tra, sát hạch phần kiến thức chung (một câu hỏi về Luật Viên chức, một câu hỏi về kiến thức chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm đăng ký dự tuyển).

- Ngày 29/7/2021: kiểm tra, sát hạch phần kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ (soạn đề cương giáo án và trả lời câu hỏi của người phỏng vấn xoay quanh nội dung đề cương người dự tuyển đã trình bày).

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương thông báo đến thí sinh đăng ký dự tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương năm học 2021-2022 được biết. /-/-

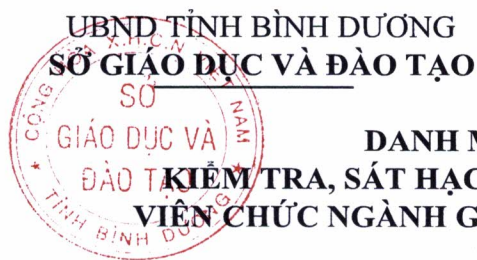
Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND huyện/thị xã/TP;
- Phòng GDĐT huyện/thị xã/TP;
- Trang thông tin điện tử Sở GDĐT;
- Phòng CM, NV Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB. ✓

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Nhật Hằng



**UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO
KIỂM TRA, SÁT HẠCH KIẾN THỨC CHUNG KỲ TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG
NĂM HỌC 2021-2022**

STT	Số hiệu, thời gian, cơ quan ban hành văn bản	Nội dung trích yếu của văn bản	Đối tượng tham khảo
A	TÀI LIỆU CHUNG		
1	Luật số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội	Luật viên chức	Tất cả người dự tuyển
2	Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (<i>phần nội dung về viên chức</i>)	
3	Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ GDĐT	Quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên	
4	Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ	Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (<i>phần nội dung về viên chức</i>)	
B	TÀI LIỆU RIÊNG THEO TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM		
I	GIÁO VIÊN		
1	Các văn bản quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên		
	Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ GDĐT	Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non	Giáo viên Mầm non
	Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ GDĐT	Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông	Giáo viên Tiểu học, THCS, THPT
	Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ GDĐT	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ GDĐT	
2	Các văn bản ban hành Điều lệ trường học		
	Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT	Điều lệ trường Mầm non	Giáo viên Mầm non
	Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT	Điều lệ trường Tiểu học	Giáo viên Tiểu học

STT	Số hiệu, thời gian, cơ quan ban hành văn bản	Nội dung trích yếu của văn bản	Đối tượng tham khảo
	Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT	Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học	Giáo viên THCS, THPT
3	Các văn bản quy định về chương trình giáo dục mầm non, đánh giá học sinh phổ thông		
	Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GDĐT	Ban hành Chương trình giáo dục mầm non	Giáo viên Mầm non
	Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT	Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học	Giáo viên Tiểu học
	Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT	Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT	Giáo viên THCS, THPT
	Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT	
4	Các văn bản quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức		
	Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GDĐT	Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập	Giáo viên Mầm non
	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GDĐT	Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập	Giáo viên Tiểu học
	Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GDĐT	Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường THCS công lập	Giáo viên THCS
	Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GDĐT	Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường THPT công lập	Giáo viên THPT
5	Các văn bản quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên		
	Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ GDĐT	Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non	Giáo viên Mầm non

STT	Số hiệu, thời gian, cơ quan ban hành văn bản	Nội dung trích yếu của văn bản	Đối tượng tham khảo
	Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT	Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông	Giáo viên Tiểu học, THCS, THPT
II VIÊN CHỨC KHÔNG TRỰC TIẾP DẠY LỚP			
1	Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính	Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp	
2	Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính	Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Viên chức Kế toán
3	Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính	Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ	
4	Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế, Bộ GDĐT	Quy định về công tác y tế trường học	
5	Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ	Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ	Viên chức Y tế
6	Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ	Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
7	Thông tư số 52/2012/TT-BGDĐT ngày 19/12/2012 của Bộ GDĐT	Điều lệ hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội
8	Thông tư số 27/2017/TT-BGDĐT ngày 08/11/2017 của Bộ GDĐT	Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập	
9	Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ GDĐT	Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông	
10	Quyết định số 01/2004/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2004 của Bộ GDĐT	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông	Viên chức Thư viện

STT	Số hiệu, thời gian, cơ quan ban hành văn bản	Nội dung trích yếu của văn bản	Đối tượng tham khảo
11	Thông tư số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/5/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ	Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện	Viên chức Thư viện
12	Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT ngày 02/5/2019 của Bộ GDĐT	Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập	Viên chức Thiết bị - Thí nghiệm
13	Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT	Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông	
14	Thông tư số 14/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ	Quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư	Viên chức Văn thư
15	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ	Công tác văn thư	
16	Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước	Viên chức Công nghệ thông tin
17	Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 của Bộ GDĐT	Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên	
18	Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ GDĐT	Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công nghệ thông tin điện tử tại Sở GDĐT, Phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên	

Quy định viết tắt: Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT).